

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN GENTRACO**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 36
8. Phụ lục	37 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco (gọi tắt là Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800688429 (số cũ là 5703000379) đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 14 tháng 5 năm 2008 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và thành lập Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22 tháng 4 năm 2009 về việc thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ 5703000379 thành 1800688429.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 09 tháng 9 năm 2009 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 44.000.000.000 VND lên 80.800.000.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 11 tháng 8 năm 2010 về việc bổ sung cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 16 tháng 9 năm 2010 về việc thành lập thêm Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 80.800.000.000 VND lên 84.800.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty cổ phần Gentraco	41.560.000.000	49,01
Các cổ đông khác	43.240.000.000	50,99
Cộng	84.800.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hà Nội từ ngày 21 tháng 4 năm 2011 với mã chứng khoán là GFC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Điện thoại : (84-710) 3611366
Fax : (84-710) 3611556
Mã số thuế : 1800688429

Đơn vị trực thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco - Chi nhánh An Giang	Ấp 2, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco tại Đăk Nông	Thôn 2, xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco tại Lô B2 – B3, đường N5, Khu công nghiệp Nam Tân Bình Dương Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco – Chi nhánh Đường Nguyễn Trung Trực, khu vực Long Thạnh Giồng và dịch vụ thú y thủy sản. A, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hoạt động chính của Công ty là: Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản; Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo; Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy hải sản nguyên liệu và thương phẩm; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ; Kinh doanh, nhập khẩu gỗ; Kinh doanh, nhập khẩu hạt nhựa và các chế phẩm từ dầu mỏ; Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi; Dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng; Cho thuê kho bãi.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Trần Thanh Văn	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Lê Quang Tâm	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Ông Diệp Hoàng Sơn	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Bà Huỳnh Thị Ngọc Giàu	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Bà Hoàng Thị Minh	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-
Bà Trần Võ Tố Loan	Thành viên	Ngày 06 tháng 7 năm 2011	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Tâm	Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2008	-
Ông Diệp Hoàng Sơn	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2008	-
Bà Vũ Thị Dung	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 4 năm 2010	Ngày 31 tháng 3 năm 2012

06/06/2012
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY SẢN
GENTRACO
TÂN ƯYÊN

06/06/2012
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY SẢN
GENTRACO
TÂN ƯYÊN

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, /



Lê Quang Tâm
Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0764/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2012, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



(Handwritten signature)

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

(Handwritten signature)

Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0088/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		620.156.309.538	634.026.018.078
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.734.508.806	3.040.743.896
1. Tiền	111	V.1	41.734.508.806	3.040.743.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		134.088.500	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	134.088.500	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		477.579.128.408	465.000.235.936
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	200.759.017.816	200.480.660.390
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	174.676.917.999	166.118.890.030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	106.342.816.177	101.992.074.980
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4.199.623.584)	(3.591.389.464)
IV. Hàng tồn kho	140		93.307.496.169	156.463.051.438
1. Hàng tồn kho	141	V.7	93.307.496.169	156.463.051.438
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.401.087.655	9.521.986.808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	576.635.174	676.048.190
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		661.432.281	2.511.743.240
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	2.078.243.070	2.078.243.070
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	4.084.777.130	4.255.952.308

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149.089.827.843	146.068.622.254
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		105.588.796.524	102.783.582.427
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	25.914.762.190	20.664.792.918
Nguyên giá	222		35.905.646.500	29.586.864.426
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.990.884.310)	(8.922.071.508)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	72.300.604.445	81.599.244.257
Nguyên giá	228		74.403.985.910	83.433.745.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.103.381.465)	(1.834.501.653)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	7.373.429.889	519.545.252
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		42.400.000.000	42.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	15.500.000.000	15.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	19.600.000.000	19.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	7.300.000.000	7.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.101.031.319	885.039.827
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.101.031.319	885.039.827
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		769.246.137.381	780.094.640.332

0058
JNG
PH
JY
NTB
MOT-001
COT
EM
TU
1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nốt, quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		746.477.698.749	700.258.468.590
I. Nợ ngắn hạn	310		745.946.198.749	699.547.993.590
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	475.747.050.589	385.013.577.077
2. Phải trả người bán	312	V.19	61.965.198.550	195.277.224.537
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	201.215.557.304	117.175.485.984
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	11.310.345	28.343.563
5. Phải trả người lao động	315	V.22	339.177.654	-
6. Chi phí phải trả	316	V.23	1.029.833.802	898.156.070
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	5.405.478.260	892.614.114
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	232.592.245	262.592.245
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		531.500.000	710.475.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	318.750.000	318.750.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	212.750.000	391.725.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.768.438.632	79.836.171.742
I. Vốn chủ sở hữu	410		22.768.438.632	79.836.171.742
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	84.800.000.000	84.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	106.540.779	106.540.779
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	(62.138.102.147)	(5.070.369.037)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		769.246.137.381	780.094.640.332

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuế ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		9.385,32	93.129,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2012


 Lê Thị Kim Thắm
 Người lập biểu


 Hà Minh Trí
 Kế toán trưởng


 Lê Quang Tâm
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	509.626.504.390	609.195.993.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	14.182.381	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	509.612.322.009	609.195.993.728
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	526.670.389.487	575.771.401.532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(17.058.067.478)	33.424.592.196
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	21.585.412.599	8.331.790.851
7. Chi phí tài chính	22	VL4	48.100.606.484	52.439.102.276
Trong đó: chi phí lãi vay	23		47.240.379.192	40.618.538.256
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	7.604.371.512	8.921.019.282
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	4.850.716.116	3.062.908.345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(56.028.348.991)	(22.666.646.856)
11. Thu nhập khác	31	VL7	10.743.233.750	516.683.816
12. Chi phí khác	32	VL8	11.782.617.869	344.313.758
13. Lợi nhuận khác	40	-	1.039.384.119	172.370.058
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(57.067.733.110)	(22.494.276.798)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	8.724.283
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(57.067.733.110)</u>	<u>(22.503.001.081)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	<u>(6.730)</u>	<u>(2.785)</u>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2012


 Lê Thị Kim Thám
 Người lập biểu


 Hà Minh Trí
 Kế toán trưởng


 Lê Quang Tâm
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(57.067.733.110)	(22.494.276.798)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	1.539.866.176	2.455.899.173
- Các khoản dự phòng	03	V.6	608.234.120	(3.000.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	27.030.916	(590.628.050)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.558.918.469	(1.479.765.745)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	47.240.379.192	40.618.538.256
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.093.304.237)	15.509.766.836
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.480.545.782)	50.023.068.157
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		63.155.555.269	(21.849.483.604)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(44.344.887.135)	34.829.705.746
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(116.578.476)	(686.575.492)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(47.357.302.460)	(40.265.727.657)
- Thu từ nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	-	(274.759.362)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		149.076.511.421	6.130.839.086
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(148.785.411.435)	(5.714.674.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.945.962.835)	37.702.159.706
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(14.155.201.917)	(6.481.179.114)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	8.251.203.175	118.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(134.088.500)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	7.288.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.038.087.242)	925.002.704

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	811.042.322.518	631.648.566.086
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(720.308.849.006)	(672.152.899.628)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.432.950)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		90.711.040.562	(40.504.333.542)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		38.726.990.485	(1.877.171.132)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.040.743.896	6.723.539.798
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(33.225.575)	115.739.853
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	41.734.508.806	4.962.108.519

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2012



Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu



Hà Minh Trí
Kế toán trưởng



Lê Quang Tâm
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản; Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo; Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 65 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 67 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Công ty trích khấu hao Quyền sử dụng đất có thời hạn với thời gian ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

ĐẠI
C
T
P
D. NH

3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40

K

K

K

K

K

K

K

K

K

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND

30/6/2012 : 20.828 VND

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

1088
NG
PH
UY
NTF
1087

1086
1085
1084
1083
1082

1081

1080

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ hạn báo cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

10/12/2012 10:52:7 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỸ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nốt, quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	435.797.222	74.460.312
Tiền gửi ngân hàng	41.298.711.584	2.966.283.584
Cộng	<u>41.734.508.806</u>	<u>3.040.743.896</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư 7.221 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia	2.547.386.221	7.459.795.302
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	10.095.500.000	-
Công ty cổ phần GreenFeed Việt Nam	3.107.981.520	38.079.800
Công ty cổ phần thức ăn dinh dưỡng Nutifarm	1.114.282.800	-
Công ty cổ phần Gò Đăng	2.089.800.353	-
Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi An Lợi	936.468.000	-
Công ty TNHH hai thành viên hải sản 404	1.101.137.492	2.601.137.492
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ	162.093.869.632	100.207.176.414
Công ty cổ phần Việt Ánh	476.321.865	867.947.015
Công ty cổ phần lương thực thực phẩm An Giang	244.661.000	323.424.000
Khách hàng lẻ	584.114.001	2.003.778.600
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	206.200.000	-
Chi nhánh Công ty cổ phần chế biến & xuất nhập khẩu thủy sản Đồng	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Domenal	2.911.961.500	2.911.961.500
Doanh nghiệp tư nhân Kim Triệu	323.517.909	448.003.159
Chi nhánh Công ty Cổ phần NTACO – Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái	2.823.459.321	2.128.760.781
Công ty TNHH Á Châu	830.752.010	830.752.010
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Hải	625.128.400	625.128.400

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Trang Việt	1.006.121.772	1.006.121.772
Đoàn Tấn Trình	685.839.800	705.839.800
Tổng Quan Hiến	1.523.704.663	1.523.704.663
Huỳnh Văn Cây	326.162.667	326.162.667
Nguyễn Khắc Định	390.804.375	390.804.375
Nguyễn Trung Kiên	1.580.197.500	-
Các khách hàng khác	2.433.645.015	76.082.082.640
Cộng	200.759.017.816	200.480.660.390
4. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Gentraco	6.216.900.000	282.034.839
Ông Trần Văn Sang	31.968.574.585	35.944.880.419
Công ty cổ phần Việt Ánh	117.712.000.000	73.488.000.000
Công ty TNHH Đầu tư & Chế biến lương thực Thiên Ngọc	6.413.000.000	4.763.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Farmila	627.988.000	627.988.000
Công ty cổ phần Cẩm Đồng Bằng	4.500.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Liên Hiệp	4.671.000.000	4.671.000.000
Công ty cổ phần Lương thực An Giang	750.000.000	750.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.817.455.414	45.591.986.772
Cộng	174.676.917.999	166.118.890.030
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay hộ cho nhân viên để mua cổ phiếu của Công ty	2.137.616.784	2.207.713.324
Phải thu tiền bán trái phiếu chuyển đổi cho Công ty cổ phần Việt Ánh	93.000.000.000	93.000.000.000
Dự án GCF- Dịch vụ chẩn đoán bệnh cá tra & thức ăn trộn thuốc thú y	1.451.262.299	-
Phải thu tiền bồi thường hao hụt đã xử lý	182.211.118	185.211.118
Tạm ứng cho cán bộ quản lý mua cổ phiếu	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần Thủy sản Nhơn Mỹ - ứng vốn	5.404.561.507	2.198.562.125
Công ty cổ phần Cẩm Đồng Bằng - ứng vốn	167.164.469	232.711.872
Các khoản phải thu khác	-	167.876.541
Cộng	106.342.816.177	101.992.074.980
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	4.199.623.584	3.493.889.464
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	174.555.000	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	1.066.684.607

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nốt, quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.175.226.824	1.824.986.107
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	2.849.841.760	602.218.750
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	97.500.000
Cộng	<u>4.199.623.584</u>	<u>3.591.389.464</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.591.389.464
Trích lập dự phòng bổ sung	608.234.120
Số cuối kỳ	<u>4.199.623.584</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	137.378.953	69.253.087.484
Nguyên liệu, vật liệu	2.866.283.811	4.113.738.575
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.920.448.604	50.382.348.612
Thành phẩm	9.887.574.045	20.192.202.669
Hàng hóa	37.495.810.756	12.521.674.098
Cộng	<u>93.307.496.169</u>	<u>156.463.051.438</u>

Hàng tồn kho trị giá 93.307.496.169 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	143.337.496	148.234.371
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	433.297.678	527.813.819
Cộng	<u>576.635.174</u>	<u>676.048.190</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.327.096.372	990.758.031
Tài sản thiếu chờ xử lý	301.868.897	494.477.089
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.455.811.861	2.770.717.188
Cộng	<u>4.084.777.130</u>	<u>4.255.952.308</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nốt, quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	83.413.745.910	20.000.000	83.433.745.910
Giảm do nhượng bán	(9.029.760.000)	-	(9.029.760.000)
Số cuối kỳ	74.383.985.910	20.000.000	74.403.985.910
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.829.834.990	4.666.663	1.834.501.653
Khấu hao trong kỳ	266.879.814	1.999.998	268.879.812
Số cuối kỳ	2.096.714.804	6.666.661	2.103.381.465
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	81.583.910.920	15.333.337	81.599.244.257
Số cuối kỳ	72.287.271.106	13.333.339	72.300.604.445

Quyền sử dụng đất có nguyên giá 65.590.904.728 VND và giá trị còn lại 64.241.578.846 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18, V.26).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác (thanh lý)	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	152.235.000	555.000.000	(555.000.000)	-	152.235.000
XDCB dở dang	338.860.848	13.489.001.917	(6.561.268.372)	(73.848.908)	7.192.745.485
Sửa chữa lớn TSCĐ	28.449.404	-	-	-	28.449.404
Cộng	519.545.252	14.044.001.917	(7.116.268.372)	(73.848.908)	7.373.429.889

14. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Cầm Đồng Bằng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401453457 ngày 15 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Cầm Đồng Bằng 15.500.000.000 VND, tương đương 96,88% vốn điều lệ.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Việt Ánh	1.960.000	19.600.000.000	1.960.000	19.600.000.000
Cộng	1.960.000	19.600.000.000	1.960.000	19.600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000064 ngày 16 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Việt Ánh 19.600.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ	610.000	6.100.000.000	610.000	6.100.000.000
Công ty cổ phần lương thực Nam Việt	120.000	1.200.000.000	120.000	1.200.000.000
Cộng	730.000	7.300.000.000	730.000	7.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào	Số cuối kỳ
			chi phí SXKD trong kỳ	
Công cụ, dụng cụ	487.867.283	14.636.363	(251.658.877)	250.844.769
Tiền thuê đất của Chi nhánh An Giang	147.093.333	-	(7.465.263)	139.628.070
Tiền thuê đất của Chi nhánh cá giống & dịch vụ thú y thủy sản	148.000.000	-	(24.000.000)	124.000.000
Tiền thuê đất nuôi cá của Chi nhánh cá giống & dịch vụ thú y thủy sản		588.000.000	(90.461.538)	497.538.462
Chi phí trả trước dài hạn khác	102.079.211	-	(13.059.193)	89.020.018
Cộng	885.039.827	602.636.363	(386.644.871)	1.101.031.319

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	475.534.050.589	384.588.577.077
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ^(a)</i>	72.839.958.673	37.999.246.392
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ^(a)</i>	388.401.899.745	331.098.433.094
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt^(a)</i>	14.292.192.171	13.549.897.591
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ^(a)</i>	-	1.941.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	213.000.000	425.000.000
Cộng	475.747.050.589	385.013.577.077

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa và các khoản phải thu trị giá 100 tỷ đồng.

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 300 tỷ đồng.

^(a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất trị giá 7 tỷ đồng.

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 20 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	384.588.577.077	425.000.000	385.013.577.077
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	811.042.322.518	-	811.042.322.518
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(720.096.849.006)	(212.000.000)	(720.308.849.006)
Số cuối kỳ	475.534.050.589	213.000.000	475.747.050.589

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Gentraco	9.967.591.624	86.822.519.889
Công ty cổ phần Việt Ánh	15.813.941.200	22.363.370.025
Công ty TNHH CJ VINA AGRIC	8.934.234.866	-
Công ty TNHH Hai thành viên Hải sản 404	1.311.085.034	449.266.969
Công ty TNHH Một thành viên Việt Long	535.500.000	-
Công ty cổ phần Geenfeed Việt Nam	8.974.622.123	9.999.785.394
Xí nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản Anfoodco – Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm An Giang	2.769.800.000	6.932.900.000
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhân	2.550.506.595	-
Công ty TNHH Một thành viên Đình Thái	1.089.774.000	-
Công ty cổ phần Pallet Vina	2.263.407.300	2.263.407.300
Công ty cổ phần Domenal	2.911.753.574	2.911.753.574
Trần Văn Sang	2.476.526.947	10.435.000
Các nhà cung cấp khác	2.366.455.287	63.523.786.386
Cộng	61.965.198.550	195.277.224.537

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Gentraco	94.462.671.472	45.782.166.667
Công ty cổ phần Việt Ánh	65.217.397.600	65.217.397.600
Công ty TNHH Một thành viên Gạo Việt	40.000.000.000	1.217.704.792
Các khách hàng khác	1.535.488.232	4.958.216.925
Cộng	201.215.557.304	117.175.485.984

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.435.594.289	(2.435.594.289)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.920.437.960	(1.920.437.960)	-
Thuế nhập khẩu	-	654.533.142	(654.533.142)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.078.243.070)	-	-	(2.078.243.070)
Thuế thu nhập cá nhân	28.343.563	56.636.443	(73.669.661)	11.310.345
Các loại thuế khác	-	11.455.760	(11.455.760)	-
Cộng	(2.049.899.507)	5.078.657.594	(5.095.690.812)	(2.066.932.725)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Bã đậu nành, gạo và các phụ phẩm 5%
- Thuốc thú y và các dịch vụ 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 1001/CT-TTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế TP. Cần Thơ như sau:

- Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đăk Nông và huyện An Phú, tỉnh An Giang:
 - + Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - + Được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.
- Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ:
 - + Đối với các lĩnh vực đầu tư: xay xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống:
 - o Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - o Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo.
 - + Đối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(57.067.733.110)	(22.494.276.798)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	585.117.749	46.564.351
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(590.628.050)
Thu nhập chịu thuế	(56.482.615.361)	(23.038.340.497)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	339.177.654	-
Cộng	339.177.654	-

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê kho	82.701.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	781.232.802	898.156.070
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	165.900.000	-
Cộng	1.029.833.802	898.156.070

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thu hộ tiền công đoàn	452.391.282	487.363.150
Cổ tức phải trả	296.597.700	319.030.650
Tài sản thừa chờ xử lý	-	37.400.352
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	52.135.646	48.157.462
Huỳnh Văn Nhu	2.124.052.492	-
Hàng tạm nhập chưa có hóa đơn	2.479.638.640	-
Các khoản phải trả khác	662.500	662.500
Cộng	5.405.478.260	892.614.114

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	262.592.245	-	(30.000.000)	232.592.245
Quỹ phúc lợi	-	-	-	-
Cộng	262.592.245	-	(30.000.000)	232.592.245

26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn đầu tư dự án nuôi cá tra giống và đầu tư vào kho nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất trị giá 12.150.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	213.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	318.750.000
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	531.750.000

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	318.750.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Số cuối kỳ	318.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	391.725.000
Số trích lập trong kỳ	-
Số chỉ trong kỳ	(178.975.000)
Số cuối kỳ	212.750.000

28. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Mục đích trích lập quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	509.626.504.390	609.195.993.728
- Doanh thu bán hàng hóa	423.086.688.542	464.855.057.492
- Doanh thu bán thành phẩm	86.539.815.848	144.340.936.236
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(14.182.381)	-
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(14.182.381)</i>	-
Doanh thu thuần	509.612.322.009	609.195.993.728
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	423.072.506.161	464.855.057.492
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	86.539.815.848	144.340.936.236

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	443.697.318.366	435.531.657.260
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽¹⁾	82.973.071.121	140.239.744.272
Cộng	526.670.389.487	575.771.401.532

⁽¹⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	62.310.392.841
Chi phí sản xuất chung	2.896.149.648
Tổng chi phí sản xuất	65.206.542.489
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.461.900.008
Tổng giá thành sản xuất	72.668.442.497
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	10.304.628.624
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	82.973.071.121

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	882.048.825	89.336.351
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	77.142.281	700.814.058
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	590.628.050
Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn	407.184	1.659.333.334
Lãi bán hàng trả chậm	14.499.119.380	5.071.920.567
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.470.236.463	146.902.988
Lãi ứng trước tiền hàng	4.656.458.466	72.855.503
Cộng	21.585.412.599	8.331.790.851

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	47.240.379.192	40.618.538.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	833.196.376	14.820.564.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.030.916	-
Hoàn dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(3.000.000.000)
Cộng	48.100.606.484	52.439.102.276

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.177.744.584	944.454.788
Chi phí vật liệu bao bì	186.087.866	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	141.769.252	144.224.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	715.628.623	383.203.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.749.119.546	7.171.093.275
Chi phí khác	634.021.641	278.043.572
Cộng	7.604.371.512	8.921.019.282

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.567.263.343	937.118.961
Chi phí vật liệu quản lý	454.545	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	796.629.497	252.740.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.612.455	134.481.450
Thuế, phí và lệ phí	11.455.760	23.477.025
Dự phòng phải thu khó đòi	608.234.120	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	326.935.333	355.315.050
Chi phí khác	1.307.131.063	1.359.774.870
Cộng	4.850.716.116	3.062.908.345

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.251.203.175	118.181.818
Thu tiền điện	1.347.951.436	-
Thu phí dịch vụ làm hàng	458.911.978	-
Thu tiền bán bao PP	320.669.546	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	127.154.940	-
Thu nhập khác	237.342.675	398.501.998
Cộng	10.743.233.750	516.683.816

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	9.810.121.644	297.749.407
Thanh lý công cụ dụng cụ	117.911.999	-
Chi phí làm hàng dịch vụ	162.050.978	-
Chi phí điện dịch vụ	1.345.017.652	-
Chênh lệch công nợ	10.527.232	-
Phí bốc xếp, giám định	287.059.936	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	49.886.810	-
Chi phí chậm nộp thuế	41.618	46.564.351
Cộng	11.782.617.869	344.313.758

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(57.067.733.110)	(22.503.001.081)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(57.067.733.110)	(22.503.001.081)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.480.000	8.080.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.730)	(2.785)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.926.048.209
Chi phí nhân công	3.562.338.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.539.866.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.187.498.980
Chi phí khác	12.468.875.399
Cộng	136.684.627.178

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong kỳ như sau:

	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	281.080.000	385.928.395
Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	446.980.000	-
Cộng	728.060.000	385.928.395

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Gentraco	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Cám Đồng Bằng	Công ty con
Công ty cổ phần Việt Ánh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Gạo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Thủy sản Nhơn Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Gentraco		
Mua hàng hóa, dịch vụ	124.783.208.004	94.211.604.247
Bán hàng hóa	60.000.000.000	-
Dịch vụ cung cấp (làm hàng)	336.129.733	162.065.610
Mua tài sản cố định	500.000.000	-
Trả lãi mua hàng chậm trả	9.164.124.582	6.767.246.603
Thu lãi ứng trước tiền hàng	-	4.867.200.000
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt		
Mua hàng hóa	47.950.730.531	10.137.486.866
Bán hàng hóa	47.710.000.000	2.161.426.176
Trả lãi ứng trước tiền mua hàng	36.507.156	1.676.933.333
Lãi mua hàng trả chậm	1.631.766.072	-
Công ty cổ phần Việt Ánh		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.146.202.159	21.515.549.298
Mua hàng hóa	17.963.040.514	75.387.615.369
Lãi mua hàng trả chậm	1.382.979.279	1.181.882.157

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi ứng trước tiền hàng	4.224.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	29.024.850	67.345.567
Bán trái phiếu	-	93.000.000.000
Cổ tức được chia	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần Thủy sản Nhơn Mỹ		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	119.957.130.731	-
Ứng vốn	435.000.000	-
Lãi ứng vốn	33.136.599	-
Lãi bán hàng trả chậm	13.754.361.650	-
Chi trả hộ	361.304.093	-
Hợp tác chăn nuôi	3.361.558.690	-
Công ty cổ phần Cám Đồng Bằng		
Mua hàng	3.598.401.250	-
Bán công cụ dụng cụ	127.986.166	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Gentraco		
Ứng trước tiền hàng	6.000.000.000	282.034.839
Ứng trước tiền thuê văn phòng	216.900.000	-
Công ty cổ phần Việt Ánh		
Tiền hàng và lãi bán hàng trả chậm	6.188.321.865	867.947.015
Ứng trước tiền mua hàng	112.000.000.000	73.488.000.000
Bán trái phiếu	93.000.000.000	93.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt		
Tiền hàng	10.095.500.000	42.072.000.000
Công ty Cổ phần Cám Đồng Bằng		
Ứng trước tiền mua hàng	4.500.000.000	-
Ứng vốn	167.164.469	232.711.872
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ		
Phải thu tiền hàng và lãi trả chậm	162.093.869.632	100.207.176.414
Ứng vốn	5.404.561.507	2.198.562.125
Cộng nợ phải thu	399.666.317.473	312.348.432.265
Công ty cổ phần Gentraco		
Tiền hàng	2.477.694.919	86.822.519.889
Ứng trước tiền hàng	86.650.000.000	45.782.166.667
Lãi phải trả	15.302.568.177	-
Công ty cổ phần Việt Ánh		
Tiền hàng	12.997.861.288	22.363.370.025
Ứng trước tiền hàng	65.217.397.600	65.217.397.600
Lãi mua hàng trả chậm	2.816.079.912	-

3006
 CÔNG
 CỘ PH
 THUY
 ENT
 3007
 744
 3 T
 3 W
 DAN
 VẮT
 30

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt		
Ứng trước tiền hàng	40.000.000.000	1.217.704.792
Tiền hàng	4.069.750	30.138.841.038
Cộng nợ phải trả	255.465.671.646	251.542.000.011

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thương mại.
- Hoạt động sản xuất chế biến.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 03 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.734.508.806	3.040.743.896	41.734.508.806	3.040.743.896
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.434.088.500	7.300.000.000	7.434.088.500	7.300.000.000
Phải thu khách hàng	196.559.394.232	196.889.270.926	196.559.394.232	196.889.270.926
Các khoản phải thu khác	108.798.628.038	105.753.550.199	108.798.628.038	105.753.550.199
Cộng	354.526.619.576	312.983.565.021	354.526.619.576	312.983.565.021
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	476.065.800.589	385.332.327.077	476.065.800.589	385.332.327.077
Phải trả cho người bán	61.965.198.550	195.277.224.537	61.965.198.550	195.277.224.537
Các khoản phải trả khác	6.935.104.070	2.145.094.832	6.935.104.070	2.145.094.832
Cộng	544.966.103.209	582.754.646.446	544.966.103.209	582.754.646.446

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị số sách
Số cuối năm	
Hàng tồn kho	93.307.496.169
Quyền sử dụng đất	64.241.578.846
Cộng	157.549.075.015
Số đầu năm	
Hàng tồn kho	156.463.051.438
Quyền sử dụng đất	35.642.476.676
Cộng	192.105.528.114

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2012.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	475.747.050.589	318.750.000	-	476.065.800.589
Phải trả cho người bán	61.965.198.550	-	-	61.965.198.550
Các khoản phải trả khác	6.722.354.070	212.750.000	-	6.935.104.070
Cộng	544.434.603.209	531.500.000		544.966.103.209
Số đầu năm				
Vay và nợ	385.013.577.077	318.750.000	-	385.332.327.077
Phải trả người bán	195.277.224.537	-	-	195.277.224.537
Các khoản phải trả khác	1.753.369.832	391.725.000	-	2.145.094.832
Cộng	582.044.171.446	710.475.000		582.754.646.446

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty cố gắng tạo ra khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2%	(3.653.049.420)
	- 2%	3.653.049.420
Năm trước	+ 2%	(1.615.105.584)
	- 2%	1.615.105.584

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nốt, quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 7.434.088.500 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 7.300.000.000 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 557.556.638 VND (năm trước là 547.500.000 VND).

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2012




Lê Thị Kim Thám
Người lập biểu


Hà Minh Trí
Kế toán trưởng


Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nộc, quận Thới Nộc, TP. Cần Thơ

BẢO CÁO TÀI CHÍNH: GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.410.706.515	7.105.529.182	3.504.769.146	296.112.482	269.747.101	29.586.864.426
Tăng trong kỳ	6.561.268.372	-	666.200.000	-	-	7.227.468.372
Mua sắm mới	-	-	111.200.000	-	-	111.200.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.561.268.372	-	555.000.000	-	-	7.116.268.372
Thanh lý, nhượng bán	(476.533.198)	(358.270.100)	(73.883.000)	-	-	(908.686.298)
Số cuối kỳ	24.495.441.689	6.747.259.082	4.097.086.146	296.112.482	269.747.101	35.905.646.500

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	5.390.944.339	2.679.612.572	577.208.286	199.160.830	75.145.481	8.922.071.568
Khiếu hao trong kỳ	778.083.966	387.455.770	71.224.854	30.701.556	3.520.218	1.270.986.364
Thanh lý, nhượng bán	(135.868.935)	(63.841.860)	(2.462.767)	-	-	(202.173.562)
Số cuối kỳ	6.033.159.370	3.003.226.481	645.970.373	229.862.386	78.665.699	9.990.884.310

Giá trị còn lại

Số đầu năm	13.019.762.176	4.425.916.610	2.927.560.860	96.951.652	194.601.620	20.664.792.918
Số cuối kỳ	18.462.282.319	3.744.032.600	3.451.115.773	66.250.096	191.081.402	25.914.762.190



Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2012

(Handwritten signature)

Lê Thị Kim Thiêm
Người lập biểu

Hồ Minh Trí
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thới Nốt, quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	84.800.000.000	-	106.540.779	8.603.314.990	93.509.855.769
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(5.199.020.368)	(5.199.020.368)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(305.748.315)	(305.748.315)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(8.168.915.344)	(8.168.915.344)
Số dư cuối năm trước	84.800.000.000	-	106.540.779	(5.070.369.037)	79.836.171.742
Số dư đầu năm nay	84.800.000.000	-	106.540.779	(5.070.369.037)	79.836.171.742
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(57.067.733.110)	(57.067.733.110)
Số dư cuối kỳ	84.800.000.000	-	106.540.779	(62.138.102.147)	22.768.438.632

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2012



Lê Quang Tâm
Giám đốc

Hồ Minh Trí
Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Thám
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thái Nội, quận Thái Nội, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lên không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm nay	Thương mại	Sản xuất, chế biến	Các ngành loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	423.072.506.161	86.539.815.848	-	509.612.322.009
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	423.072.506.161	86.539.815.848	-	509.612.322.009
Chi phí bộ phận	(443.697.318.366)	(82.973.071.121)	-	(526.670.389.487)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(20.624.812.205)	3.566.744.727	-	(17.058.067.478)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(12.455.087.628)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(29.513.155.106)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	21.985.412.599
Chi phí tài chính	-	-	-	(48.100.606.484)
Thu nhập khác	-	-	-	10.743.233.750
Chi phí khác	-	-	-	(11.782.617.869)
Phân bổ hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(97.067.733.110)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	14.757.838.280
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	1.926.511.847
Tổng giá trị các khoản chi phí lên không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	608.254.120

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí (thu) không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Thương mại	Sản xuất, chế biến	Các khoản loại trừ	Cộng
464.855.057.492	144.340.936.236	-	609.195.993.728
464.855.057.492	144.340.936.236	-	609.195.993.728
(435.531.657.260)	(140.239.744.272)	-	(575.771.401.532)
29.323.400.232	4.101.191.964	-	33.424.592.196
-	-	-	(11.983.927.627)
-	-	-	21.440.664.569
-	-	-	8.331.790.851
-	-	-	(52.439.102.276)
-	-	-	516.683.816
-	-	-	(344.313.758)
-	-	-	-
-	-	-	(8.724.283)
-	-	-	(22.503.001.081)
-	-	-	6.885.665.936
-	-	-	2.734.377.543
-	-	-	-
-	-	-	-

Là Thị Kim Thắm

Người lập biểu

Hà Mạnh Trí

Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm

Giám đốc



Cầu Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2012

